

Bản tin chứng khoán

Trong số này

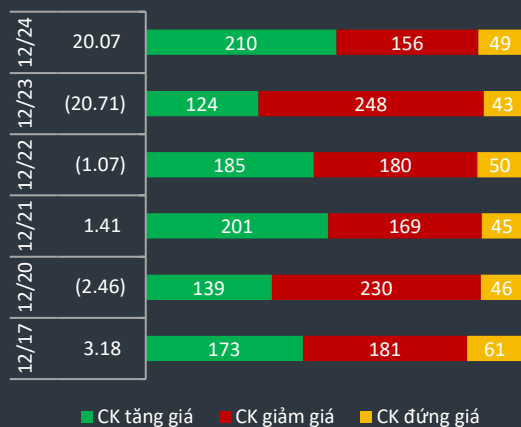
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường trở lại đầy mạnh mẽ chỉ sau một phiên và lấy lại trọn vẹn điểm số đã mất của ngày hôm trước. Tuy vậy vẫn có sự khác biệt giữa các nhóm ngành và không phải cổ phiếu nào rơi mạnh thì phục hồi lại như cũ. Điểm nhấn trong phiên giao dịch chính là nhóm cổ phiếu ngân hàng đã đóng vai trò chính trong việc thúc đẩy chỉ số và kéo theo các nhóm ngành khác. Toàn bộ cổ phiếu ngân hàng đều xanh điểm trong đó gần phân nửa có mức tăng trên 3%. Nhiều cổ phiếu đổ sàn hôm trước đã lấy lại gần mức giá trần như HDB, TPB, EIB. Trong khi nhiều cổ phiếu tầm trung đã có sự tăng tốc khá tốt như VPB, OCB, LPB, VIB.

Thật ra cổ phiếu ngân hàng đang tạo một nền giá khá tốt sau giai đoạn đi ngang trong 6 tháng vừa qua. So với đỉnh thì giá cổ phiếu bank đang cách khoảng 15%. Tuy nhiên để có thể tạo đợt sóng mới thì cổ phiếu ngân hàng cần nhiều thông tin hỗ trợ đặc biệt là những tín hiệu lạc quan về kinh tế năm 2022 sáng sủa hơn. Việc đại dịch chưa hoàn toàn kết thúc và còn nhiều mối lo ngại chủng mới hoành hành có thể tạo tâm lý bất an cho nhà đầu tư trong ngắn hạn và ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng xu hướng thị trường và dòng tiền đầu tư. Dù sao thì nhiều cổ phiếu ngân hàng đang ở vùng giá khá tốt để có thể tích lũy ngay từ thời điểm hiện tại như một số trường hợp OCB, MBB, TCB, CTG, VPB ...

Một số cổ phiếu nhóm thép, bán lẻ, cao su cũng tăng tốt trong đó đáng chú ý nhất là cổ phiếu thép khi nhóm ngành này đã giảm khá sâu so với đỉnh. Bất chấp nhiều tin tốt nhưng giá của nhiều cổ phiếu đầu ngành như HPG vẫn rơi đều và khối ngoại vẫn ròng rã liên tục suốt nhiều tháng. Ngành thép trong năm 2022 sẽ không còn nhiều thuận lợi như năm cũ vì vậy lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp sẽ không còn đột biến như năm cũ. Nhưng nhờ những thành công vượt trội trong năm qua mà nhiều doanh nghiệp thép đã vượt qua giai đoạn khó khăn và có thể đầu tư những nhà máy sản xuất mới. Đây là cơ hội của nhiều doanh nghiệp có thể mở rộng kinh doanh, gia tăng sản xuất và thị phần. Về giá cổ phiếu thì hiện tại nhiều cổ phiếu đã ở vùng giá hấp dẫn để đầu tư trở lại như những doanh nghiệp đang dẫn đầu ngành như HPG, HSG, NKG đều có nhiều tiềm năng mở rộng năng lực sản xuất trong các năm tiếp sau.

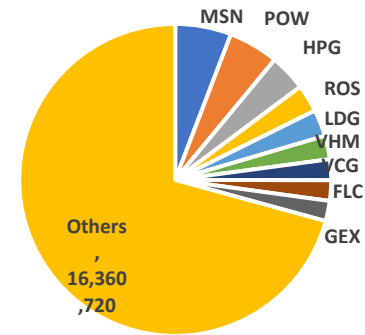
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	119.20
VRE	49.75
NLG	31.02
VNM	23.22
NT2	14.76
GMD	12.76
BVH	10.79
TTF	(10.39)
BID	(12.90)
FUEVFNVD	(17.27)
GAS	(29.36)
MSN	(58.17)
HPG	(138.34)

Vnindex 1,477.03
▲ +20.07 (+1.38%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
TPB	39.3	2,550	6.95
HDB	28.7	1,850	6.89
VPB	34.3	1,850	5.71
VIB	43.7	1,450	3.44
TCB	48.9	1,550	3.27
MBB	28.2	850	3.11
NVL	88.9	2,600	3.01
STB	28.2	800	2.92
VCB	78.5	2,000	2.61
REE	71.8	1,800	2.57
HPG	46.1	1,100	2.45
CTG	32.9	700	2.17
BVH	56.0	1,100	2.00
ACB	33.0	500	1.54
VNM	86.0	1,300	1.53
BID	35.0	500	1.45
PNJ	94.7	1,000	1.07
HVN	23.3	200	0.87
VRE	31.3	250	0.81
MWG	134.6	1,000	0.75
FPT	93.8	600	0.64
GAS	95.7	500	0.53
VIC	96.5	500	0.52
VHM	82.9	400	0.48
PLX	53.0	200	0.38
GVR	39.1	50	0.13
SSI	49.1	50	0.10
VJC	124.0	100	0.08
SAB	147.0	100	0.07
MSN	171.0	-	-
PDR	94.5	(300)	(0.32)
BCM	65.5	(1,900)	(2.82)
DHG	118.1	(5,200)	(4.22)
POW	17.3	(1,250)	(6.76)



Chỉ số Vnindex cuối ngày trở lại mốc 1477 điểm và so với cuối tuần trước gần như không thay đổi. Tình hình chung thị trường vẫn còn khá nhạy cảm đặc biệt là thông tin dịch bệnh và nhiều yếu tố thị trường quốc tế vẫn còn ảnh hưởng tâm lý thị trường trong ngắn hạn. Tuần lễ giao dịch cuối năm có thể sẽ tiếp tục trong trạng thái thăm dò và giằng co. Động lực chung của thị trường hiện vẫn còn mạnh và dòng tiền vẫn giao dịch gia tăng dần. Nhà đầu tư có thể chờ các nhịp điều chỉnh để tích lũy cổ phiếu. Các nhóm ngành ngân hàng, phân đạm, BĐS khu công nghiệp và một số nhóm ngành hẹp như bán lẻ, dệt may có thể chờ cơ hội mua dần.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	48.9	(1.9)	50	75	Nắm giữ	11/24/2021	-11.1%
DPM	54.8	9.8	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	16.6%
DCM	37.5	(1.2)	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	4.2%
HSG	35.7	(1.1)	35	50	Mua thêm quanh 35-36.	11/23/2021	-0.8%
PET	35.6	11.2	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	27.1%
LCG	22.8	(2.4)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	62.9%
DPR	73.0	(3.8)	57	95	Mua vào quanh 76-78, nắm giữ	9/21/2021	9.0%
GVR	39.1	2.1	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	33.0%
HCM	44.0	(4.7)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	29.4%
VCI	71.7	(4.4)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	46.3%
SSI	49.1	(6.6)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	48.8%
MBB	28.2	(0.2)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.8%
OCB	25.9	(3.4)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	12.6%
HPG	46.1	(1.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	2.4%
DGW	121.5	(2.7)	120	150	Nắm giữ. Mục tiêu 150	3/3/2021	143.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VPB	5.71
VNE	6.16
PXS	6.57
MHC	6.69
HNG	6.81
TNA	6.82
EIB	6.85
HDB	6.89
ELC	6.92
PTC	6.92
FRT	6.93
TPB	6.95
GEX	6.96
VRC	7.00
VRC	7.00

Top tăng giá HNX

SJE	5.37
MAC	5.43
LTC	5.66
PCT	5.88
VCC	5.94
DST	5.98
TDI	6.00
QNC	6.19
PGT	6.19
SHB	6.97
LM7	7.14
API	7.89
SRA	8.55
FID	8.60
CMC	8.63
CTC	8.86
LUT	9.30
CVN	9.32
BLF	9.52
VC1	9.57
VC9	9.70
AAV	9.82
LDP	9.85
SVN	10.00
PVE	13.04
S74	13.41

VIX - CTCP Chứng khoán VIX – Đã thông qua phương án chào bán hơn 274,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, với giá 15.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong cuối năm 2021 – đầu năm 2022.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va – Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 57,9 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Đầu tư Ngọc Linh Hoa.

VGT - Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Doanh thu và thu nhập hợp nhất của Vinatex năm 2021 ước đạt 16.436 tỷ đồng, tăng 10,7% cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 1.200 tỷ đồng, tăng 102% so với cùng kỳ, vượt 70% kế hoạch năm và cao hơn năm 2019 trước đại dịch gần 70%. Các mục tiêu đều vượt kế hoạch.

HAH - CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An – Đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2022 với chỉ tiêu doanh thu hơn 2.387 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất sau thuế 550 tỷ đồng.

Năm 2021, công ty ước đạt sản lượng 1.019 TEU, tăng gần 4,9% so với kế hoạch đề ra, doanh thu gần 1.900 tỷ đồng, tăng 14% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù sản lượng và doanh thu tăng ở mức vừa phải, song lợi nhuận sau thuế của công ty đạt tới 389 tỷ đồng, gấp 2,46 lần kế hoạch đề ra.

HCD - CTCP Đầu tư sản xuất và thương mại HCD - Đã thông qua việc phát hành 4,59 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2018, 2019 cho cổ đông. Tỷ lệ phát hành 17%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 17 cổ phiếu mới.

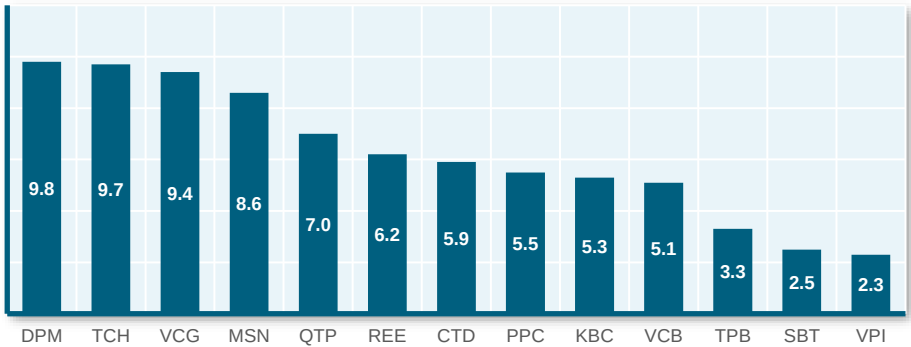
Giá trị phát hành theo mệnh giá 45,9 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành lấy theo lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC năm 2020 đã kiểm toán. Thời gian phát hành dự kiến trong quý 1/2022 sau khi được UBCKNN chấp thuận.

BCE - Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương - Kết thúc năm tài chính 2021, Công ty ước tính tổng doanh thu là 148,68 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 28,09 tỷ đồng và cổ tức dự kiến là 6% vốn điều lệ. Như vậy, so với thực hiện năm 2020, lợi nhuận công ty giảm 15,1% so với cùng kỳ.

Sang năm 2022, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu là 432,45 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 58,2 tỷ đồng, lần lượt tăng 190,9% và 107,2% so với ước tính kết quả thực hiện trong năm 2021. Bên cạnh đó, công ty cũng đặt kế hoạch cổ tức dự kiến là 12% vốn điều lệ.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



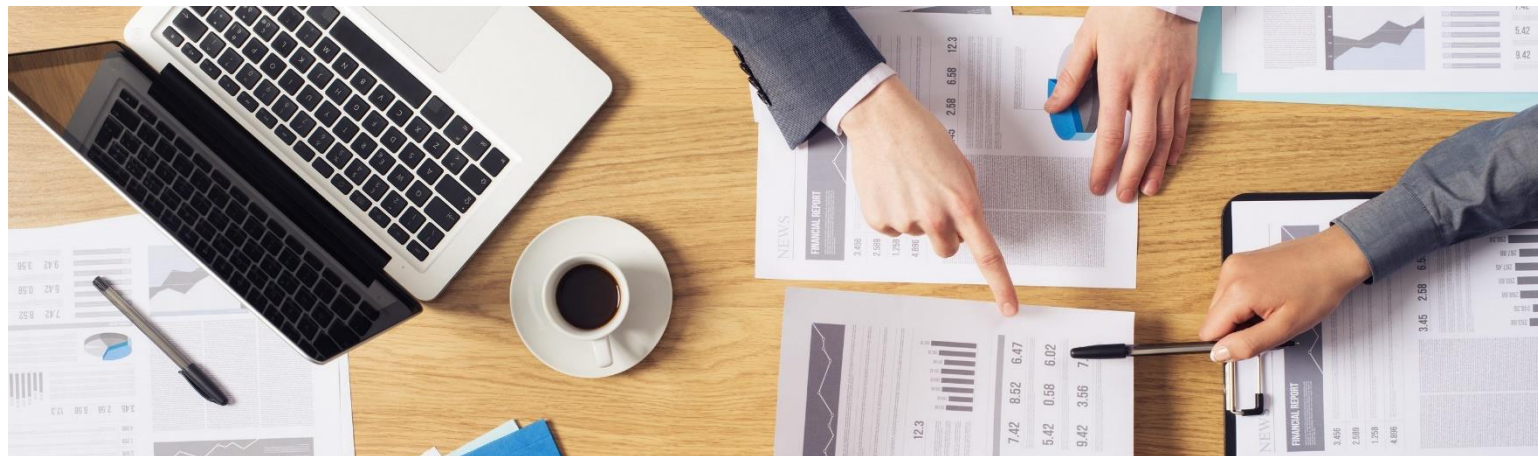
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	34.3	13,097,600	6.8	1.4	-	-	152,257	17.12	5,056	24,447
VIB	HOSE	43.7	1,615,800	7.8	3.2	-	-	67,795	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	78.5	849,400	14.2	2.8	199,200	120,000	291,147	23.58	5,532	28,293
VBB	HNX	17.9	44,633	21.6	1.5	-	-	8,551	-	830	11,579
VAB	HOSE	18.0	848,989	15.1	1.3	-	-	8,009	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	39.3	7,855,000	8.6	2.1	98,300	62,000	62,084	29.35	4,565	18,925
TCB	HOSE	48.9	6,139,300	10.6	2.0	-	-	171,684	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.2	10,410,800	14.7	1.7	469,500	140,800	53,163	17.42	1,922	16,846
SSB	HOSE	41.3	3,663,200	24.0	3.4	79,500	-	60,988	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	21.5	10,433,200	9.8	1.5	334,900	-	57,338	2.60	2,183	14,014
SGB	HNX	18.0	158,900	-	1.5	200	-	5,544	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	32.0	365,610	43.3	2.4	-	-	9,600	15.00	739	13,529
OCB	HNX	25.9	3,162,900	6.8	1.5	3,500	3,600	35,480	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.2	159,815	142.4	2.7	-	-	11,879	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	19.3	197,000	5.7	1.2	1,300	-	9,909	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	27.1	10,502,500	8.2	1.5	-	400	41,395	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.2	6,812,300	7.2	1.4	11,500	3,900	106,360	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.7	4,635,300	8.4	1.5	30,600	220,000	26,118	3.99	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.6	37,326	11.6	1.7	-	-	8,531	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	28.7	3,390,900	7.4	1.6	571,800	355,500	57,176	17.04	3,854	17,399
EIB	HOSE	31.2	3,504,700	35.7	2.2	-	-	38,358	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	32.9	6,638,300	7.5	1.3	190,700	55,400	158,109	25.47	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.2	1,796,051	19.2	1.7	-	5,000	8,149	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	35.0	1,525,000	13.9	1.7	58,900	426,900	140,771	16.72	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.6	96,544	23.8	1.8	-	-	17,021	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.0	4,372,600	7.1	2.2	-	-	89,164	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.3	3,437,579	7.6	1.3	-	-	12,169	30.00	2,801	16,671
			105,751,247	18.81	1.86	2,049,900	1,393,500	1,708,749		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ASM	HOSE	14/01/2022	17/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	TLG	HOSE	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VXT	UPCoM	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	BWS	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	BCF	HNX	31/12/2021	4/1/2022	17/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	NSC	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	28/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HMH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DGC	HOSE	29/12/2021	30/12/2021	11/1/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	QHD	HNX	29/12/2021	30/12/2021	18/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NTH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	MDF	UPCoM	28/12/2021	29/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	RAL	HOSE	28/12/2021	29/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	RAL	HOSE	28/12/2021	29/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 12.075:11, giá 93,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	MH3	UPCoM	28/12/2021	29/12/2021	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	ECI	HNX	27/12/2021	28/12/2021	28/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	QNT	UPCoM	27/12/2021	28/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
22	KPF	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	NVL	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:31	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	NBT	UPCoM	24/12/2021	27/12/2021	17/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VSM	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TLD	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	HAN	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931